Signature Not Verified
Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA VIỆT
Ngày ký: 27.10.2016 08:55

Tổng Công Ty Thuốc Lá Việt Nam
CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA VIỆT

Mẫu số B01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN QUÝ III-2016 (VP CÔNG TY)

tại ngày 30 tháng 9 năm 2016

ĐVT: Đồng

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI QUÝ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
A.TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**361,153,701,925**	**409,623,036,499**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**6,084,358,960**	**1,576,142,524**
1. Tiền	111	V.01	6,084,358,960	1,576,142,524
2. Các khoản tương đương tiền	112			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**32,352,312,819**	**107,495,234,292**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		37,122,185,454	113,795,400,001
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1,434,209,583	3,851,011,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		5,106,469,391	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
3. Các khoản phải thu khác	136	V.03	1,962,340,601	3,121,715,501
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(13,272,892,210)	(13,272,892,210)
IV. Hàng Tồn Kho	**140**		**316,481,967,921**	**298,277,463,978**
1. Hàng tồn kho	141	V.04	316,481,967,921	298,277,463,978
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**6,235,062,225**	**2,274,195,705**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5,890,274,706	302,010,258
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		29,261,141	1,952,185,447
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.05	315,526,378	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	20,000,000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**59,329,871,413**	**62,256,202,973**
I.Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**58,107,083,009**	**61,780,702,973**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	56,166,627,791	59,711,491,604
- Nguyên giá	222		251,681,396,334	249,209,385,890
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(195,514,768,543)	(189,497,894,286)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1,940,455,218	2,069,211,369
- Nguyên giá	228		4,997,053,836	4,997,053,836
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3,056,598,618)	(2,927,842,467)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**	V.12	**1,222,788,404**	**475,500,000**
1.Chi phí SX,KD dở dang dài dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1,222,788,404	475,500,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**420,483,573,338**	**471,879,239,472**

Tổng Công Ty Thuốc Lá Việt Nam
CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA VIỆT

Mẫu số B 01- DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN QUÝ III-2016 (VP CÔNG TY)
tại ngày 30 tháng 9 năm 2016

ĐVT: Đồng

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI QUÝ	SỐ ĐẦU NĂM
A - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**257,792,834,319**	**302,033,126,489**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**257,792,834,319**	**302,033,126,489**
1. Phải trả cho người bán	311		2,042,383,847	27,915,696,096
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		31,783,635,500	65,473,500
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.16	154,508,632	509,689,408
4. Phải trả người lao động	314		5,125,172,001	6,290,277,539
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	1,684,643,670	3,432,797,303
6. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	3,153,441,173	401,667,507
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		213,849,049,496	263,417,525,136
Vay ngân hàng			*191,259,274,593*	*240,827,750,233*
Tổng Cty			*22,589,774,903*	*22,589,774,903*
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**162,690,739,019**	**169,846,112,983**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	V.22	**162,690,739,019**	**169,846,112,983**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		128,530,520,000	128,530,520,000
-Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		128,530,520,000	128,530,520,000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		21,638,339,539	21,125,524,521
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		7,414,821,662	7,209,695,655
10. Lợi nhuận chưa phân phối	421		5,107,057,818	12,980,372,807
-LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3,026,850,328	4,224,072,445
-LNST chưa PP lũy kế kỳ này	421b		2,080,207,490	8,756,300,362
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**420,483,573,338**	**471,879,239,472**

Ngày 27 tháng 10 năm 2016

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
Kiều Thị Tố Tâm	Nguyễn Thị Thành	Lê Văn Khuê

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA VIỆT

Tổng Công Ty Thuốc Lá Việt Nam
CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA VIỆT

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (VP CÔNG TY)
QUÝ III - 2016

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Luỹ kế cả năm	
			Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	**91,495,029,707**	**185,477,763,974**	**408,666,334,414**	**364,661,102,997**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0		**243,858,000**	
3. Doanh thu thuần về bán hàng & CCDV	10		**91,495,029,707**	**185,477,763,974**	**408,422,476,414**	**364,661,102,997**
4. Giá vốn hàng bán	11		**77,152,371,526**	**164,714,328,277**	371,107,324,247	323,856,740,320
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & CCDV	20		14,342,658,181	20,763,435,697	37,315,152,167	40,804,362,677
6. Doanh thu về hoạt động tài chính	21	VI.26	4,586,821	161,306,974	63,860,969	223,225,474
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	4,035,906,126	9,175,786,315	8,321,628,800	15,631,862,734
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		4,035,906,126	9,175,786,315	*8,316,003,989*	*15,631,862,734*
8. Chi phí bán hàng	24		3,150,534,031	2,335,540,251	7,114,740,918	7,989,856,825
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7,228,431,893	6,452,657,068	19,398,966,803	19,026,743,159
10. Lợi tức thuần từ HĐ kinh doanh	30		**(67,627,048)**	**2,960,759,037**	**2,543,676,615**	**(1,620,874,567)**
11. Thu nhập khác	31	VI.27	80,909,091	3,272,727	80,909,091	175,100,000
12. Chi phí khác	32		0	960,000	24,326,343	6,960,000
13. Lợi nhuận khác	40		**80,909,091**	2,312,727	**56,582,748**	**168,140,000**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		**13,282,043**	**2,963,071,764**	**2,600,259,363**	**(1,452,734,567)**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	2,656,409	0	520,051,873	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		0	**0**	
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		**10,625,634**	**2,963,071,764**	**2,080,207,490**	**(1,452,734,567)**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		**1**		**162**	

Ngày 27 tháng 10 năm 2016

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
Kiều Thị Tố Tâm	Nguyễn Thị Thành	**Lê Văn Khuê**

M.S.D.N: 3600252163 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA VIỆT
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Tổng Công Ty Thuốc Lá Việt Nam
CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA VIỆT

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (VP CÔNG TY)

(Theo phương pháp gián tiếp)

9 tháng năm 2016

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	9 tháng năm 2016	9 tháng năm 2015
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		**2,600,259,363**	**(1,452,734,567)**
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		6,443,696,913	7,438,185,494
- Các khoản dự phòng	03			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(120,443,717)	(383,183,656)
- Chi phí lãi vay	06		8,316,003,989	15,631,862,734
3.Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**17,239,516,548**	**21,234,130,005**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		78,541,536,368	132,043,539,916
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(18,204,503,943)	(155,870,957,192)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		5,927,656,724	116,928,792,246
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(838,264,448)	222,725,206
- Tiền lãi vay đã trả	13		(14,536,597,773)	(18,504,806,024)
- Thuế TNDN đã nộp	14		(1,047,126,096)	(556,650,594)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2,000,000	46,000,000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(848,016,199)	(1,989,098,628)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**66,236,201,181**	**93,553,674,935**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(3,541,691,696)	(5,034,063,216)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		80,909,091	166,918,182
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		63,860,969	223,225,474
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(3,396,921,636)**	**(4,643,919,560)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3.Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		346,546,498,593	552,933,424,828
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(396,114,974,233)	(632,705,649,222)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7,914,468,025)	(2,198,124,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(57,482,943,665)**	**(81,970,348,394)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	**50**		**5,356,335,880**	**6,939,406,981**
Tiền và tương đương tiền thuần đầu kỳ	**60**		**728,023,080**	**380,865,233**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 + 60 +61)	**70**		**6,084,358,960**	**7,320,272,214**

Ngày 27 tháng 10 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
Kiều Thị Tố Tâm	Nguyễn Thị Thành	Lê Văn Khuê

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA VIỆT

TỔNG CÔNG TY THUỐC LÁ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA VIỆT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (VP CÔNG TY)
9 tháng năm 2016

I - Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn : Cổ phần

Văn phòng chính và nhà xưởng của Công ty đặt tại phường Long Bình, thành phố Biên hòa, tỉnh Đồng nai

Các Chi nhánh trực thuộc :

Chi nhánh Gia Lai

Chi nhánh Ninh Thuận

Chi nhánh Daklak

Chi nhánh Tây Ninh

Chi nhánh Quảng Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh : Đầu tư trồng, thu mua, sơ chế nguyên liệu thuốc lá.

3.Ngành nghề kinh doanh :Trồng trọt, thu mua, chế biến, tiêu thụ nguyên liệu thuốc lá và các sản phẩm nông nghiệp khác; kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, vật tư nông nghiệp, mua bán thuốc lá điếu; chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản, hải sản; kinh doanh kho bãi, dịch vụ kho vận và kho ngoại quan; môi giới bất động sản, kinh doanh nhà; KD du lịch, dịch vụ ăn uống.

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán : bắt đầu từ 01/01/2016 ngày 31/12/2016

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : đồng Việt nam (VND)

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng theo chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính được lập theo Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính

Hình thức kế toán áp dụng : Chứng từ ghi sổ

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo nguyên giá

Khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng, áp dụng theo Thông tư số 45/2013TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính, chi tiết cho một số nhóm tài sản như sau :

Nhà, xưởng và vật kiến trúc	25 năm
Máy móc thiết bị	10 -12 năm
Phương tiện vận tải	10 -12 năm

2. Giá trị hàng tồn kho

Phương pháp kế toán hàng tồn kho : Phương pháp kê khai thường xuyên

3. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi đã cung cấp hàng hóa dịch vụ, đối với doanh thu bán nguyên liệu thuốc lá thì được ghi nhận khi có biên bản kiểm nghiệm của bên mua hoặc được bên mua ký nhận trực tiếp trên hóa đơn bán hàng.

6. Quỹ tiền lương

Tiền lương được trích vào chi phí trong năm theo Quỹ lương kế hoạch của HĐQT quyết định

7. Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được xác định dựa trên những trường hợp phải thu khó đòi cụ thể theo Thông tư 228/2009/TT-BTC

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho dựa trên giá mua cộng với chi phí quản lý và chi phí bán hàng lớn hơn giá bán ra theo Thông tư 228/2009/TT-BTC.

V. Thuyết minh các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền

		30/09/2016	*1/1/2016*
Tiền mặt tồn quỹ		112,085,924	626,710,870
Tiền gởi ngân hàng		5,972,273,036	949,431,654
	Cộng	**6,084,358,960**	**1,576,142,524**

2. Các khoản phải thu khác

		30/09/2016	*1/1/2016*
Thuế TNCN			63,288,641
Phải thu bồi thường		267,460,926	1,747,630,791
BHXH, BHYT, KPCĐ			248,341,580
Các khoản chi quỹ phúc lợi		1,611,370,985	1,003,799,840
Tạm ứng		63,244,000	58,625,669
Ký quỹ ngắn hạn		20,000,000	20,000,000
Các khoản phải thu khác		264,690	28,980
	Cộng	**1,962,340,601**	**3,141,715,501**

3. Hàng tồn kho

		30/09/2016	*1/1/2016*
Nguyên liệu thuốc lá tồn kho		36,385,134,939	323,599,792
Thành phẩm tồn kho		269,025,599,804	276,714,057,745
Vật tư tồn kho		6,240,340,993	19,153,146,424
Công cụ, dụng cụ trong kho		351,066,998	361,771,151
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang		4,479,825,187	1,724,888,866
	Cộng	**316,481,967,921**	**298,277,463,978**

4. Vay và nợ ngắn hạn

		30/09/2016	*1/1/2016*
Vay Ngân hàng		191,259,274,593	240,827,750,233
Vay Tổng Cty TLVN		22,589,774,903	22,589,774,903
	Cộng	**213,849,049,496**	**263,417,525,136**

5. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

		30/09/2016	1/1/2016
Thuế GTGT			
Thuế TNCN		154,508,632	298,141,563
Thuế TNDN			211,547,845
	Cộng	**154,508,632**	**509,689,408**

6.Chi phí phải trả

		30/09/2016	1/1/2016
Quỹ đầu tư nguyên liệu thuốc lá 1%		1,684,643,670	1,962,203,519
Trích trước lãi vay NH			1,470,593,784
	Cộng	**1,684,643,670**	**3,432,797,303**

7. Vốn Chủ sở hữu

	30/09/2016	1/1/2016
Số dư đầu năm	128,530,520,000	128,530,520,000
Số dư cuối năm	**128,530,520,000**	**128,530,520,000**

8. Các khoản phải trả, phải nộp khác

		30/09/2016	1/1/2016
BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ		1,480,398,430	33,731,634
Cổ tức phải trả		1,215,173,120	132,504,745
KP Xóa đói giảm nghèo		425,886	425,886
Nhận ký quỹ ngắn hạn		340,038,000	195,000,000
Doanh thu chưa thực hiện		77,727,273	
Đảng phí		23,818,652	
Các khoản phải trả phải nộp khác		15,859,812	40,005,242
	Cộng	**3,153,441,173**	**401,667,507**

VI. Thuyết minh Báo cáo kết quả kinh doanh

1. Doanh thu

	9 tháng Năm 2016	9 tháng Năm 2015
Tổng doanh thu	**408,422,476,414**	**364,661,102,997**
Doanh thu ra ngoài	***408,422,476,414***	***364,661,102,997***
Doanh thu bán nguyên liệu	340,984,432,151	271,237,379,587
Doanh thu gia công	29,038,307,153	40,937,675,426
Doanh thu vật tư	18,269,285,630	33,538,513,391
Doanh thu khác	20,130,451,480	18,947,534,593

2. Doanh thu tài chính

		9 tháng Năm 2016	9 tháng Năm 2015
Lãi tiền gởi		21,180,555	30,606,428
Lãi đầu tư nông dân		21,680,411	24,339,053
Chênh lệch tỷ giá		21,000,003	168,279,993
	Cộng	**63,860,969**	**223,225,474**

3. Chi phí tài chính		9 tháng Năm 2016	9 tháng Năm 2015
Lãi vay ngân hàng		8,316,003,989	15,631,862,734
Chênh lệch tỷ giá			
	Cộng	**8,316,003,989**	**15,631,862,734**

VII.Giao dịch mua bán nội bộ trong Tổng Công ty TLVN đến 30-9-2016

Phát sinh bán (TK 511)		***228,879,917,810***
Cty Thuốc lá Sài Gòn	Bán nguyên liệu	166,017,674,200
Cty Thuốc lá Sài Gòn	Gia công	2,278,182,000
Cty Thuốc lá Thăng Long	Bán nguyên liệu	33,000,000,000
Cty XNK Thuốc lá	Bán nguyên liệu	1,944,739,810
Cty Thuốc lá Bến tre	Bán nguyên liệu	
Cty Thuốc lá Bến tre	Bán vật tư	180,600,000
Cty Thuốc lá Đồng tháp	Bán nguyên liệu	364,707,000
Cty Thuốc lá Đồng tháp	Gia công	242,505,800
Cty Thuốc lá Bắc sơn	Bán nguyên liệu	
Cty Thuốc lá An Giang	Gia công	
Cty Thuốc lá Cửu Long	Gia công	
Cty Thuốc lá Philip Morris	Bán nguyên liệu	13,208,389,500
Cty Thuốc lá Philip Morris	Gia công	1,361,384,200
Phát sinh mua (TK 152)		***208,499,182***
Cty Thương mại Miền Nam	Mua nước khoáng	21,998,182
	Rượu sâm banh Nga	3,531,000
CN Cty TNHH LD VINA-BAT	Thuốc lá 555	182,970,000

Số dư công nợ nội bộ với các TV trong Tổng Cty TLVN

Phải thu (TK 131)		***2,247,948,760***
Cty Thuốc lá Thăng Long		193,313,560
Cty Thuốc lá Long An		1,124,640,000
Cty XNK Thuốc lá		929,995,200
Cty Thuốc lá Đồng Tháp		254,631,090
Cty Thuốc lá Ngân Sơn		94,857,000
Cty Thuốc lá Bến tre		180,600,000
Phải trả (TK 331)		**31,781,501,000**
Cty Thuốc lá Sài Gòn		31,778,555,000
Cty Thương mại Miền Nam		2,946,000

Hàng tồn kho từ các TV trong Tổng Cty TLVN

Cty Thương mại Miền Nam			**1,284,227**
	Chai 500ml	*420*	*1,085,001*
	Chai 330ml	*4*	*8,333*
	Bình 20L	*7*	*190,893*

VIII.Lợi nhuận phân phối

Lợi nhuận đầu năm 2016.	**12,980,372,807**
Lợi nhuận trước thuế 9 tháng năm 2016	**2,600,259,363**
Lợi nhuận phân phối đến ngày 30/09/2016	**10,473,574,352**
Trong đó: Phân phối lợi nhuận của năm 2015	9,953,522,479
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (2%)	205,126,007
Trích quỹ dự phòng tài chính (5%)	512,815,018
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	200,000,000
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 2015	38,445,054
Cổ tức được chia	8,997,136,400
Thuế Thu nhập doanh nghiệp 9 tháng-2016	520,051,873
Lợi nhuận chưa phân phối đến ngày 30/9/2016	**5,107,057,818**
Trong đó: Lợi nhuận năm trước còn lại	3,026,850,328
Lợi nhuận năm nay còn lại	2,080,207,490

IX.Các mục ngoài bảng cân đối kế toán

_Nguyên liệu gia công giữ hộ :	287,399,694,500
_Nợ khó đòi đã xử lý:	12,156,772,009
_Ngoại tệ tồn 30/9/2016	323.81

Chi tiết số lượng cổ phiếu nắm giữ	**12,853,052**
Cổ phần Tổng Cty	9,778,162
Cổ phần Cty Tlá SG	838,738
Cổ phần Cty Thăng Long	359,459
Cổ phần của cổ đông thiểu số	1,876,693

Ngày 27 tháng 10 năm 2016

LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
Kiều Thị Tố Tâm	Nguyễn Thị Thành	Lê Văn Khuê

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA VIỆT